

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐXXST-DS, ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Tiến D – có mặt

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị Ph – vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn Đức L, xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 15/5/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án anh Phạm Tiến D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến D kết hôn với chị Vũ Thị Ph năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn không biết lý do gì mà chị Ph thường xuyên bỏ nhà đi, đến tháng 02 năm 2017 thì chị Ph bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì, khi đi chị Ph không báo cho gia đình, chính quyền địa phương. Anh D đã tìm kiếm chị Ph nhưng không có tin tức gì. Anh đã làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự được Tòa án thụ lý giải quyết, ngày 27/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tuyên bố chị

Ph mất tích theo quyết định số 01/2020/QĐ-VDS. Xét mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D làm đơn xin ly hôn với chị Ph.

Về con chung: Anh D và chị Ph có hai con chung là cháu Phạm Triệu V, sinh ngày 24/02/2009 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 18/6/2012. Anh D có nguyện vọng được nuôi hai con chung là cháu V và cháu S. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

+ *Về trình tự tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật: Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) và các văn bản liên quan quy định. Về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên xử cho anh Phạm Tiến D ly hôn với chị Vũ Thị Ph. Về con chung: Giao con Phạm Triệu V, sinh ngày 24/02/2009 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 18/6/2012 cho anh Phạm Tiến D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Tiến D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Tiến D phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn chị Vũ Thị Ph có nơi cư trú cuối cùng tại thôn Đức L, xã Đắk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị Ph đến giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chị Ph vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ph.

[2.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn anh Phạm Tiến D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quyền nuôi con chung với chị Ph. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Tiến D, chị Vũ Thị Ph đủ tuổi đăng ký kết hôn, kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đắk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông vào ngày 30/10/2008. Do đó, hôn nhân giữa anh D và chị Ph là hôn nhân hợp pháp, đúng theo điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Tiến D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời kỳ hôn nhân anh D và chị Ph sống hạnh phúc, hoà thuận và sinh được 02 người con chung. Tuy nhiên, sau đó hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng chị Ph bỏ nhà đi từ đó đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, trách nhiệm từ cả hai phía vợ, chồng; chị Ph bỏ nhà đi là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngày 27/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tuyên bố chị Ph mất tích theo quyết định số 01/2020/QĐ-VDS. Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...”.

Qua xác minh tại đại phương nơi anh D và chị Ph cư trú thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D, chị Ph ban tự quản thôn Đức L, xã Đắk S không nắm được. Tuy nhiên, cách đây khoảng 03 năm chị Ph đã bỏ nhà đi, hiện nay không có mặt tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của anh D và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận mới bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

[3.2]. *Về con chung*: Anh Phạm Tiến D và chị Vũ Thị Ph có 02 con chung là cháu Phạm Triệu V, sinh ngày 24/02/2009 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 18/6/2012. Hiện nay cháu V và cháu S đang sinh sống cùng anh D, các cháu V và S có nguyện vọng được ở

với anh D. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu V và S cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là cần thiết. Anh D không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Phạm Tiến D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4]. *Về án phí* : Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Phạm Tiến D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tiến D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Tiến D được ly hôn với chị Vũ Thị Ph.

2. *Về con chung*: Giao con Phạm Triệu V, sinh ngày 24/02/2009 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 18/6/2012 cho anh Phạm Tiến D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh D không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn anh D, chị Ph có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Phạm Tiến D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Buộc anh Phạm Tiến D phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003001, ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H.Krông Nô;
- UBND xã Đắk S;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng

